VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Văn bản hợp nhất số 18/VBHN-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2024 hợp nhất Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn

(Tiếp theo Công báo số 703 + 704)

Phụ lục V

MẪU HỒ SƠ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH (*)
Số:...../ĐK-KD

Kính gửi:.....(**)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax..... E-mail.....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch lô hàng (***):..... *(nhập khẩu, TNTX, quá cảnh lãnh thổ,...)*

1. Tên hàng:.....

1a. Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)[47]:.....

2. Nơi sản xuất:.....

3. Số lượng:.....

4. Trọng lượng tịnh:.....

5. Trọng lượng cả bì:.....

6. Loại bao bì:.....

7. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán *(L/C, TTr...)*:.....

8. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....

9. Nước xuất khẩu:.....

10. Cửa khẩu xuất:.....

11. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu.....

[47] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

12. Nước nhập khẩu:.....

13. Phương tiện vận chuyển:.....

14. Cửa khẩu nhập:.....

15. Mục đích sử dụng:.....

16. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Thú y *(nếu có):*.....

17. Địa điểm kiểm dịch:.....

18. Thời gian kiểm dịch:.....

19. Địa điểm giám sát *(nếu có):*.....

20. Thời gian giám sát:.....

21. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:.....

22. Số, ngày vận đơn/hoặc hợp đồng vận chuyển (nếu có):[48].....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:.....

.....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi..... giờ, ngày..... tháng..... năm.....

Vào sổ số....., ngày..... tháng..... năm.....

.....(**)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

[48] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

- [49] ***(được bãi bỏ)***

(*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(**) Tên Cơ quan Kiểm dịch;

(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân[50], ngày tháng và nơi cấp.

---

[49] Cụm từ "XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN: (Trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu) Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do..... ....., ngày..... tháng..... năm..... CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU..... (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Đơn khai báo được làm thành 03 bản;" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[50] Cụm từ "Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" được thay thế bởi cụm từ "Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Mẫu 4
Form:

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

BẢN KHAI KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
DECLARATION FOR ANIMAL QUARANTINE
Số:...../BK-KD
Number:

Tên tàu: ..... *Name of the ship*

Quốc tịch: ..... *Nationality*

Tên thuyền trưởng: ..... *Master's name:*

Tên bác sĩ: ..... *Doctor's name:*

Số thuyền viên: ..... *Number of crew:*

Số hành khách: ..... *Number of passengers*

Cảng rời cuối cùng: ..... *Port of arrival from*

Cảng đến tiếp theo: ..... *Next port*

Cảng bốc hàng đầu tiên và ngày rời cảng đó:.....
The first port of loading and the date of departure

.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng động vật, sản phẩm động vật nhận ở cảng đầu tiên:
Name, quantity and weight of animal and animal products loaded at the first port:

.....

.....

.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng động vật, sản phẩm động vật nhận ở các cảng trung gian và tên các cảng đó:.....

Name, quantity and weight of animal and animal products loaded at the intermediate ports and the names of these ports:

.....

.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng động vật, sản phẩm động vật cần bốc ở cảng này:

Name, quantity and weight of animal and animal products to be discharged at this port:

.....

.....

.....

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch động vật.

The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for entirely by the said regulations on animal quarantine.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Date
THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ HOẶC SỸ QUAN)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
MASTER *(Authorized agent or officer)*
(Signature, stamp, full name)

Mẫu 5

Tên tổ chức, cá nhân.....
Địa chỉ:.....
Tel:.....
Fax:.....
Email:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐĂNG KÝ GỬI/NHẬN MẪU BỆNH PHẨM

Kính gửi: Cục Thú y

..... *(Tên tổ chức, cá nhân)*..... đề nghị Cục Thú y hướng dẫn kiểm dịch Gửi/Nhận mẫu bệnh phẩm như sau:

STT	Loại mẫu bệnh phẩm	Tên loài được lấy mẫu/tên khoa học	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Cửa khẩu xuất	Cửa khẩu nhập

- Nguồn gốc, xuất xứ:.....
- Tên tổ chức, cá nhân gửi mẫu bệnh phẩm:.....

Địa chỉ:.....
.....
- Tên tổ chức, cá nhân nhận mẫu bệnh phẩm:.....
.....

Địa chỉ:.....
- Thời gian thực hiện:.....
- Mục đích sử dụng:.....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....
.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

THỦ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 6

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA VÀ LẤY MẪU XÉT NGHIỆM
Số:...../BB-KTLM

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....
Tại địa điểm:.....
Chúng tôi gồm có:
1/ Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:.....
2/ Ông bà:..... là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*
Địa chỉ giao dịch:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây đã tiến hành kiểm tra hàng và lấy mẫu hàng sau đây để xét nghiệm:

Tên hàng	**Quy cách đóng gói**	**Tổng số hàng**		**Mẫu hàng lấy xét nghiệm**	
		Số lượng *(1)*	Khối lượng *(kg)*	Số lượng mẫu	Khối lượng *(kg)*
Tổng số					

Tình trạng hàng hóa:.....
.....
Thời gian trả lời kết quả vào ngày..... tháng..... năm.....
Biên bản này được lập thành 02 bản:
- 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ;
- 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*	**Kiểm dịch viên động vật**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(1) nếu hàng là động vật thì ghi số lượng động vật (con); nếu hàng là sản phẩm động vật thì ghi số lượng kiện, thùng, hộp

Mẫu 7

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GHI NHẬN TÌNH TRẠNG VỆ SINH THÚ Y CỦA ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
Số:...../BB-VSTY

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....
Tại địa điểm:.....
Chúng tôi gồm có:
1/ Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:.....
2/ Ông bà:..... là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*
Địa chỉ giao dịch:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Trong khi tiến hành kiểm tra vệ sinh thú y lô hàng:
1/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
2/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
3/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
4/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
Phương pháp kiểm tra vệ sinh thú y của hàng:.....
.....
Tình trạng vệ sinh thú y của hàng:.....
.....
.....
.....
Kết luận:.....
.....
Ý kiến của chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
.....

Biên bản này lập thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*	**Kiểm dịch viên động vật**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Người làm chứng *(nếu có)*
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 8

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM PHONG/MỞ NIÊM PHONG PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN, CHỨA ĐỰNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Số:...../BB-MNP

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....
.....

Chúng tôi gồm:

1/ Ông/bà:..... Chức vụ:.....

Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:.....

2/ Ông/bà:..... Chức vụ:.....

Là cán bộ cơ quan Hải quan cửa khẩu:.....

3/ Ông/bà:..... là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân[51]:..... Cấp ngày:...../...../.....

Nơi cấp:.....

Với sự chứng kiến của:

Ông/bà:..... Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân[52]:..... Cấp ngày:...../...../.....

---

[51] Cụm từ "Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" được thay thế bởi cụm từ "Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[52] Cụm từ "Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" được thay thế bởi cụm từ "Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Nơi cấp:.....

Tiến hành niêm phong/mở niêm phong phương tiện vận chuyển, chứa đựng động vật/sản phẩm động vật.

Tình trạng vệ sinh thú y đối với lô hàng, phương tiện vận chuyển, chứa đựng:

.....

.....

.....

.....

Biên bản này lập thành 03 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do cơ quan Hải quan cửa khẩu giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*	**Kiểm dịch viên động vật**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Người làm chứng *(nếu có)*	**Đại diện Hải quan cửa khẩu**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu 9

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-XLVSTY	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Xử lý vệ sinh thú y đối với động vật/sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (1)

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số...../..... ngày..... tháng..... năm..... của.....*(2)*..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của..... *(3)*.....;

Căn cứ Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y hàng động vật, sản phẩm động vật số...../BB-VSTY ngày...../..../..... của..... *(4)*.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định xử lý vệ sinh thú y đối với số hàng sau:

1/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....

2/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....

3/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....

4/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....

Của ông bà:..... là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân[53]:..... Cấp ngày:...../...../.....

[53] Cụm từ "Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" được thay thế bởi cụm từ "Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Nơi cấp:.....

Số hàng trên đây không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định như sau:

.....

.....

Các vật dụng *(phương tiện, dụng cụ, bao bì chứa đựng, thức ăn, chất độn, chất thải)* có liên quan:

.....

.....

Điều 2. Biện pháp xử lý đối với số hàng trên và các vật dụng có liên quan:.....

.....

.....

.....

Điều 3. Địa điểm tiến hành xử lý vệ sinh thú y:.....

.....

.....

.....

.....

.....

Điều 4. Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng:.....

.....

.....

.....

Điều 5. Thời gian tiến hành xử lý vệ sinh thú y đối với lô hàng: vào hồi..... giờ..... ngày...../...../.....

Điều 6. Nơi xử lý hàng phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc theo quy định

Điều 7. Quy định về việc sử dụng hàng sau khi đã xử lý vệ sinh thú y:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Quyết định này lập thành 03 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng giữ.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
.....

(1): Thủ trưởng cơ quan ra quyết định xử lý;

(2): Thẩm quyền ra quyết định;

(3): Tên cơ quan ra quyết định xử lý;

(4): Tên cơ quan kiểm dịch động vật.

Mẫu 10

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XỬ LÝ VỆ SINH THÚ Y
HÀNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
Số:...../BB-XLVSTY

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....
Tại địa điểm:.....
Chúng tôi gồm:
1/ Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:.....
2/ Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
3/ Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....

Căn cứ Quyết định xử lý vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y số...../QĐ-XLVSTY ngày...../...../..... của ..... *(1)*.....

Đã tiến hành xử lý vệ sinh thú y lô hàng sau:
Tên hàng:.....
Số lượng:..... Khối lượng:.....
Của ông/bà:..... là chủ hàng *(người đại diện)*
Địa chỉ giao dịch:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Biện pháp xử lý đối với số hàng trên và các dụng cụ có liên quan:.....
.....
.....
.....
.....
.....

Địa điểm tiến hành xử lý:.....

.....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng:.....

.....

.....

Thời gian tiến hành xử lý: vào hồi..... giờ..... phút, ngày...../...../.....

Nơi xử lý đã được vệ sinh, khử trùng tiêu độc theo quy định.

Phương pháp khử trùng tiêu độc:.....

Hóa chất sử dụng trong khử trùng tiêu độc:..... Nồng độ:.....

Kết quả xử lý vệ sinh thú y đối với lô hàng:.....

.....

.....

Quy định về việc sử dụng hàng sau khi đã xử lý vệ sinh thú y *(nếu không phải tiêu hủy):*

1/ Được phép sử dụng làm thực phẩm: □

2/ Được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi: □

3/ Chỉ được phép chế biến nguyên liệu cho công nghiệp: □

Ý kiến của chủ hàng hoặc người đại diện:.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản này lập thành 03 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân thực hiện việc xử lý vệ sinh thú y đối với lô hàng giữ.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*	**Kiểm dịch viên động vật**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng	**Các cơ quan liên quan**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(1): *Tên cơ quan kiểm dịch động vật.*

Mẫu 11

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y
Số:...../BB-KTVSTY

Hôm nay, vào hồi..... giờ....., ngày..... tháng..... năm.....
Tại cơ sở:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Chúng tôi gồm:
1/ Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:.....
2/ Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
3/ Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
Đã tiến hành kiểm tra điều kiện vệ sinh đối với cơ sở.

Kết quả kiểm tra:

1. Địa điểm:.....
2. Điều kiện nhà xưởng:.....
3. Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ:.....
4. Điều kiện nuôi nhốt động vật/bảo quản sản phẩm động vật.....
5. Nước sạch sử dụng tại cơ sở:.....
6. Nơi cách ly động vật ốm/nơi lưu giữ sản phẩm không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y:

.....

7. Nơi xử lý động vật, sản phẩm không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y:.....

.....

8. Hệ thống thoát nước và xử lý chất thải:.....

9. Điều kiện sức khỏe của người làm việc tại cơ sở:.....

10. Đã được vệ sinh, khử trùng tiêu độc ngày..... tháng..... năm.....

- Phương pháp vệ sinh tiêu độc:.....

- Hóa chất sử dụng trong tiêu độc:..... nồng độ:.....

Kết luận:

.....

.....

.....

.....

.....

Kiến nghị *(nếu có)*:

.....

.....

.....

.....

Biên bản này lập thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do cơ sở được thẩm định giữ.

Đại diện cơ sở	**Kiểm dịch viên động vật**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Mẫu 12a

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT...	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số:...../CN-KDĐV

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi *(1)*	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....

Nơi xuất phát:.....

Nơi đến cuối cùng:.....

Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1/..... Số lượng:.....

2/..... Số lượng:.....

3/..... Số lượng:.....

Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:.....

.....

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:..... ..... tại kết quả xét nghiệm số:...../..... ngày...../...../..... của..... *(2)*..... *(gửi kèm bản sao, nếu có).*

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày:...../...../.....	*Cấp tại....., ngày...../...../.....*
Kiểm dịch viên động vật	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(1): Đối với động vật làm giống.

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

Mẫu 12b

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số:...../CN-KDĐV-UQ

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi *(1)*	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....

Nơi xuất phát:.....

Nơi đến cuối cùng:.....

Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1/..... Số lượng:.....

2/..... Số lượng:.....

3/..... Số lượng:.....

Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:.....

.....

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:.....
..... tại kết quả xét nghiệm số:...../..... ngày...../...../..... của..... *(2)*..... *(gửi kèm bản sao, nếu có).*

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày:...../...../.....

Cấp tại....., ngày...../...../.....
KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Đối với động vật làm giống.

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

Mẫu 12c

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số:...../CN-KDSPĐV

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng *(1)*	Khối lượng *(kg)*	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:.....

Địa chỉ:.....

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Nơi đến cuối cùng:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....

2/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....

3/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....

Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát.....

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:.....

Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:...../..... ngày...../...../..... của.....*(2)*..... *(gửi kèm bản sao, nếu có)*.

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:.....

.....

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ..... *(nếu có)*.

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày:...../...../.....	*Cấp tại....., ngày...../...../.....*
Kiểm dịch viên động vật	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(1): Số lượng kiện, thùng, hộp,...

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

Mẫu 12d

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

Số:...../CN-KDSPĐV-UQ

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng *(1)*	Khối lượng *(kg)*	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:.....

Địa chỉ:.....

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Nơi đến cuối cùng:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....

2/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....

3/..... Số lượng:..... Khối lượng:.....

Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát.....

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:.....

Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:...../..... ngày...../...../..... của.....*(2)*..... *(gửi kèm bản sao, nếu có).*

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:.....

.....

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ..... *(nếu có)*.

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày:...../...../.....

Cấp tại....., ngày...../...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Số lượng kiện, thùng, hộp,...

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

Mẫu 13a

Form

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION[54]

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
ANIMAL HEATH CERTIFICATE FOR EXPORT
Số:...../CN-KDĐVXK
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:.....
Name and address of exporter:
.....
Tel:..... Fax:..... Email:.....
Nơi xuất phát của động vật:.....
Place of origin of the animal/s:

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu *Official mark*	Giống *Breed*	Tính biệt *Sex*	Tuổi *Age*

Tổng số:.....
Total:

[54] Cụm từ "CỤC THÚ Y DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION" được thay thế bởi cụm từ "TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION" theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

II. XUẤT ĐI
DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng:..... Phương tiện vận chuyển:.....
Country of destination: *Means of transport:*
Tên, địa chỉ người nhận hàng:.....
Name and address of consignee:
.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:

I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:

a/ Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.

Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.

b/ Đáp ứng được các yêu cầu sau:

Satisfies/satisfy the following requirements:

.....
.....
.....

Giấy có giá trị đến:...../...../.....
Valid up to

Giấy này làm tại..... ngày..../..../....
Issued at *on*

Bác sĩ thú y *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

Mẫu 13b

Form

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION[55]

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU

HEATH CERTIFICATE FOR EXPORT OF ANIMAL PRODUCTS

Số:...../CN-KDSPĐVXK

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:.....

Name and address of exporter:

.....

Tel:..... Fax:..... Email:.....

Tên, địa chỉ người nhận hàng:.....

Name and address of consignee:

.....

Loại sản phẩm:.....

Type of products:

Quy cách đóng gói:.....

Type of package:

Số kiện hàng:..... Khối lượng:.....

Number of package: *Net weight:*

Tên, địa chỉ nhà máy sản xuất, chế biến hàng:.....

Name and address of the processing establishment:

.....

[55] Cụm từ "CỤC THÚ Y DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION" được thay thế bởi cụm từ "TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION" theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Tel:..... Fax:.....

Phương tiện vận chuyển:.....

Means of transport:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật trên đáp ứng được các yêu cầu sau:

I, the undersigned official Veterinarian certify that the products described above satisfy the following requirement:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Giấy có giá trị đến:...../...../.....
Valid up to

Giấy này làm tại..... ngày..../..../....
Issued at *on*

Bác sĩ thú y *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

Mẫu 14a

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT[56]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU VỀ NƠI CÁCH LY KIỂM DỊCH

Số:...../CN-ĐVCLKD

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân[57]:..... Cấp ngày...../...../..... tại.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....

.....

Nước xuất khẩu:..... Nước quá cảnh *(nếu có)*.....

---

[56] Cụm từ "CỤC THÚ Y" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[57] Cụm từ "Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" được thay thế bởi cụm từ "Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam:..... Thời gian nhập: ngày...../...../.....

Các vật dụng khác có liên quan:.....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:.....

.....

Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1. Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

2. Số động vật trên khỏe mạnh và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.

3. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

1. Số động vật trên phải được chuyển đến nơi cách ly kiểm dịch trước ngày..../...../.... để nuôi cách ly kiểm dịch tại địa điểm:.....

.....

2. Chỉ được vận chuyển theo lộ trình:.....

.....

3. Nghiêm cấm vứt chất thải, rác thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển.

4. Chỉ được phép đưa động vật về nơi cách ly kiểm dịch tại địa điểm nêu trên và đúng thời gian quy định để nuôi cách ly kiểm dịch.

Giấy có giá trị đến:...../...../.....	*Cấp tại....., ngày..../..../.....*
Kiểm dịch viên động vật	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu 14b

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT[58]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU VỀ NƠI CÁCH LY KIỂM DỊCH

Số:...../CN-SPĐVCLKD

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân[59]:..... Cấp ngày...../...../..... tại.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng *(1)*	Khối lượng *(kg)*	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....

.....

Nước xuất khẩu:..... Nước quá cảnh *(nếu có)*.....

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam:..... Thời gian nhập:...../...../.....

---

[58] Cụm từ "CỤC THÚ Y" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[59] Cụm từ "Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" được thay thế bởi cụm từ "Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Các vật dụng khác có liên quan:.....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:.....

.....

Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1. Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

2. Sản phẩm động vật bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.

3. Số động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.

4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

1. Số sản phẩm động vật trên phải được chuyển đến nơi cách ly kiểm dịch trước ngày..../...../.... để kiểm dịch tại địa điểm:.....

.....

2. Chỉ được vận chuyển theo lộ trình:.....

.....

3. Nghiêm cấm vứt sản phẩm động vật, chất thải, bao bì chứa đựng trong quá trình vận chuyển.

4. Chỉ được phép đưa sản phẩm động vật về nơi cách ly kiểm dịch nêu trên và đúng thời gian quy định để cách ly kiểm dịch.

Giấy có giá trị đến:...../...../.....	*Cấp tại....., ngày..../..../.....*
Kiểm dịch viên động vật	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(1) Số lượng kiện, thùng, hộp,....

Mẫu 15a

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT[60]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Số:...../CN-KDĐVNK

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....

Địa chỉ giao dịch:.....

.....

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân[61]:..... Cấp ngày...../...../.....

tại.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....

.....

Nước xuất khẩu:..... Nước quá cảnh *(nếu có)*.....

Nơi chuyển đến:.....

---

[60] Cụm từ "CỤC THÚ Y" được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[61] Cụm từ "Số chứng minh nhân dân/Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" được thay thế bởi cụm từ "Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân" theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Các vật dụng khác có liên quan:.....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:.....

.....

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có):[62].....

Phương tiện vận chuyển:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

2. Đã được kiểm tra và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.

3. Số động vật trên đã được tiêm phòng và có miễn dịch với các bệnh:

a/..... Tiêm phòng ngày...../...../.....

b/..... Tiêm phòng ngày...../...../.....

c/..... Tiêm phòng ngày...../...../.....

4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

5. Động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh..... tại kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../..... của..... (nếu có)[63]

Giấy có giá trị đến:...../...../.....	*Cấp tại....., ngày..../..../....*
Kiểm dịch viên động vật	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

[62] Cụm từ "Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có):" được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 10 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[63] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Mẫu 15b

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU[64]

Số:...../CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng *(1)*	Trọng lượng *(kg)*	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....

.....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến:.....

.....

Nước xuất khẩu:..... Nước quá cảnh *(nếu có)*.....

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam:..... Thời gian nhập:...../...../.....

Nơi chuyển đến:.....

Các vật dụng khác có liên quan:.....

---

[64] Tên mẫu 15b được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:.....

.....

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có):[65].....

Phương tiện vận chuyển:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.

2. Đã được kiểm tra và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.

3. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.

4. Số sản phẩm động vật trên đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ..... (nếu có).

5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

6. Sản phẩm động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh..... tại kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../..... của..... (nếu có)[66]

Giấy có giá trị đến:...../...../.....	*Cấp tại....., ngày..../..../....*
Kiểm dịch viên động vật	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(1) Số lượng kiện, thùng, hộp,.....

---

[65] Cụm từ "Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có):" được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 10 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[66] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Mẫu 15c[67] ***(được bãi bỏ)***

[67] Mẫu 15c được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

Mẫu 16a

Form:

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION[68]

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM

Veterinary certificate for temporatily imported for re-export, transport of point, transit of animal through Viet Nam

Số:...../CN-KDĐVQC

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:.....

Name and address of exporter:

.....

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):.....

Name and address of owner of commodity or his representavite:

.....

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:.....

Name and address of final consignee:

.....

Cửa khẩu nhập:..... Cửa khẩu xuất:.....

Declared point of entry: *Declared point of exit:*

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ...../...../..... đến...../...../.....

The duration transport or storage in Vietnam: From to

[68] Cụm từ "CỤC THÚ Y DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION" được thay thế bởi cụm từ "TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION" theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu *Official mark*	Giống *Breed*	Tính biệt *Sex*	Tuổi *Age*

Tổng số:.....
Total:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:

I, the undersigned official Veterinarian certifies that:

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Động vật khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam;

The animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam;

3/ Các chất thải, chất độn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;

Accopanying bedding, waste and tools have been treated in accodance with regulation;

4/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;

Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM
REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:.....
Allowed itinerary:

.....

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển;

Disposal of waste and dead carcases during the transport is prohibited;

3/ Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy động vật có biểu hiện mắc bệnh;

Any sign of animals disease shall be reported to the nearest veterinary authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến:...../...../.....
Valid up to
Bác sĩ thú y *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

Giấy này làm tại..... ngày..../..../....
Issued at on
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT
CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION
AT POINT OF EXIT

.....
.....
.....
.....
.....

Bác sĩ thú y *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

....., ngày..../..../.....
Issued at: *Date of issue:*
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

Mẫu 16b

Form:

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION[69]

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM

Veterinary certificate for temporatily imported for re-export, transport of point, transit of animal product through Viet Nam

Số:...../CN-KDSPĐVQC

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:.....

Name and address of exporter:

.....

Tên, địa chỉ của chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....

Name and address of owner of commodity or his representavite:

.....

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:.....

Name and address of final consignee:

.....

Loại sản phẩm:.....

Type of products:

Quy cách đóng gói:.....

Type of package:

Số kiện hàng:..... Khối lượng:.....

Number of package *Net weight:*

[69] Cụm từ "CỤC THÚ Y DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION" được thay thế bởi cụm từ "TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION" theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Cửa khẩu nhập:..... Cửa khẩu xuất:.....

Declared point of entry: *Declared point of exit:*

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ...../...../..... đến...../...../.....

The duration transport or storage in Vietnam: From to

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:

I, the undersigned official Veterinarian certifies that

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

The animal product/s packaged and stored in accordance with Vet. sanitary requirement

3/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định.

Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:.....

Allowed itinerary:

.....

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, sản phẩm động vật trong quá trình vận chuyển;

Disposal of waste and animal products during the transport is prohibited

3/ Phải thông báo cho cơ quan thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy sản phẩm động vật có biểu hiện hư hỏng;

Any sign of animals products decayed shall be reported to the nearest veterinary authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến:...../...../.....	Giấy này làm tại..... ngày..../..../....
Valid up to	*Issued at on*
Bác sĩ thú y *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
Veterinarian *(Signature, full name)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
	DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT

CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....
.....
.....
.....
.....

Bác sĩ thú y *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

....., ngày..../..../....
Issued at: *Date of issue:*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

Mẫu 17

CÔNG TY.....
Địa chỉ:.....
Tel:.....
Fax:.....
Email:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.... tháng..... năm 20...

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH
Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty..... ..... đề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch lô hàng sau theo hình thức (1):

Tạm nhập tái xuất □ Tạm xuất tái nhập □
Chuyển cửa khẩu □ Quá cảnh lãnh thổ Việt Nam □

STT	**Tên hàng**	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)[70]	**Số lượng**(2) (tấn)	**Nước xuất xứ**	**Cửa khẩu nhập**	**Cửa khẩu xuất**
	Tổng số					

- Từ Công ty:.....
Địa chỉ:.....
- Tên Công ty tiếp nhận:.....
Địa chỉ:.....
- Thời gian thực hiện:.....

[70] Cột này được bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

- Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam:.....
- Lộ trình trên lãnh thổ Việt Nam:.....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY.....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Đề nghị chỉ đánh dấu 01 hình thức kiểm dịch nêu trên.
(2): Số lượng có thể dự trù nhập khẩu trong 03 tháng.

Mẫu 18

CÔNG TY.....
Địa chỉ:.....
Tel:.....
Fax:.....
Email:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH XUẤT/NHẬP KHO NGOẠI QUAN ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, Công ty..... đề nghị Cục Thú y hướng dẫn kiểm dịch số hàng sau theo hình thức xuất/nhập kho ngoại quan. Chi tiết lô hàng như sau:

STT	**Tên hàng**	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)[71]	**Số lượng**	**Đơn vị tính**	**Nước xuất xứ**
Tổng số					

- Từ Công ty:.....

Địa chỉ:.....

.....

- Cửa khẩu nhập:.....

- Tên, địa chỉ kho ngoại quan:.....

Giấy phép số..... ngày...../...../....., thời hạn:..... hoặc Hợp đồng thuê kho ngoại quan số:..... ngày...../...../....., thời hạn:.....

[71] Cột này được bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

- Mục đích nhập hàng vào kho ngoại quan:.....
- Thời gian thực hiện:.....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....

.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
- Số lượng hàng có thể dự trù để thực hiện trong 03 tháng.

Mẫu 19

CÔNG TY.....
Địa chỉ:.....
Tel:.....
Fax:.....
Email:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.... tháng..... năm 20.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty..... ..... đề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu lô hàng:

I. ĐỘNG VẬT

STT	**Loại động vật**	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)[72]	**Số lượng** (con) (1)		**Nước xuất xứ**	**Cửa khẩu nhập**
			Đực	Cái		
	Tổng số					

- Từ Công ty:.....
Địa chỉ:.....
.....
- [73]Tên trang trại.....
Địa chỉ.....
- Thời gian thực hiện:.....
- Mục đích sử dụng:.....

[72] Cột này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[73] Cụm từ "Tên trang trại.... Địa chỉ...." được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 12 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

- Địa điểm nuôi cách ly kiểm dịch:.....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....
.....

II. SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

STT	**Tên hàng**	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)[74]	**Số lượng** [(1)] (tấn)	**Nước xuất xứ**	**Cửa khẩu nhập**
	Tổng số				

- Từ Công ty:.....
.....
Địa chỉ:.....
.....
- [75]Từ Nhà máy sản xuất, chế biến:.....
.....
Địa chỉ:.....
- Thời gian thực hiện:.....
- Mục đích sử dụng:.....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....
.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY.....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Số lượng động vật, sản phẩm động vật có thể dự trù nhập khẩu trong 03 tháng.

---

[74] Cột này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[75] Cụm từ "Từ Nhà máy sản xuất, chế biến (đối với sản phẩm động vật làm thực phẩm)" được thay thế bởi cụm từ "Từ Nhà máy sản xuất, chế biến" theo quy định tại điểm d khoản 12 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Mẫu 20

CÔNG TY.....
Địa chỉ:.....
Tel:.....
Fax:.....
Email:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày... tháng.... năm 20....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH NHẬP KHẨU BỘT THỊT XƯƠNG

Kính gửi: Cục Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty ..... đề nghị Cục Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu lô hàng bột thịt xương:

STT	**Tên hàng**	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)[76]	**Số lượng** (1) (tấn)	**Nước xuất xứ**	**Cửa khẩu nhập**
	Tổng số				

- Từ Công ty:.....
Địa chỉ:.....
.....
- Từ Nhà máy sản xuất, chế biến:.....
Địa chỉ:.....
.....
- Thời gian thực hiện:.....
- Mục đích sử dụng: chế biến thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....

[76] Cột này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[77] "- Địa điểm nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty:" ***(được bãi bỏ)***

Chúng tôi cam kết không sử dụng bột thịt xương của loài nhai lại để sản xuất thức ăn cho loài nhai lại và cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y[78]

CÔNG TY.....
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Số lượng có thể dự trù nhập khẩu trong 03 tháng

Mẫu 20a (được bãi bỏ)[79]

[77] Cụm từ "Địa điểm nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty:" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 13 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[78] Cụm từ "Chúng tôi cam kết chỉ sử dụng bột thịt xương nhập khẩu của Công ty để sản xuất thức ăn cho loại động vật nêu trên tại Nhà máy của Công ty và không sử dụng bột thịt xương để sản xuất thức ăn cho loài nhai lại và cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y." được thay thế bởi cụm từ "Chúng tôi cam kết không sử dụng bột thịt xương của loài nhai lại để sản xuất thức ăn cho loài nhai lại và cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y." theo quy định tại điểm c khoản 13 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[79] Mẫu 20a được bãi bỏ theo quy định tại khoản 14 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Phụ lục VI

MẪU DẤU SỬ DỤNG KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Đối với Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:

a) Dấu có hình chữ nhật, kích thước 1,5 x 4,0cm; đường viền ngoài có bề rộng 0,1cm;

b) Bên trong khắc chữ "BẢN GỐC" hoặc "BẢN SAO", bề rộng của nét chữ là 0,1cm; chiều cao của chữ là 01cm.

Hình 1. Mẫu dấu "BẢN GỐC"

Hình 2. Mẫu dấu "BẢN SAO"

2. Đối với Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam:

a) Dấu có hình chữ nhật, kích thước 1,5 x 4,0cm; đường viền ngoài có bề rộng 0,1cm;

b) Bên trong khắc chữ "ORIGINAL" hoặc "COPY", bề rộng của nét chữ là 0,1cm; chiều cao của chữ là 01cm.

Hình 3. Mẫu dấu "ORIGINAL"

Hình 4. Mẫu dấu "COPY"

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 12a

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

BẢN GỐC

Số:...../CN-KDĐV

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi *(1)*	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....

Nơi xuất phát:.....

Nơi đến cuối cùng:.....

Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1/..... Số lượng:.....

2/..... Số lượng:.....

3/..... Số lượng:.....

Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:.....

.....

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:..... ..... tại kết quả xét nghiệm số:...../..... ngày...../...../..... của.....*(2)*..... *(gửi kèm bản sao, nếu có)*.

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ..... trước khi vận chuyển.

Giấy có giá trị đến:...../...../.....	*....., ngày..../..../....*
KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
(Ký, ghi rõ họ tên)	**(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**

(1): Đối với động vật làm giống.

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION[80]

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu 13a
Form:

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
ANIMAL HEATH CERTIFICATE FOR EXPORT
Số:...../CN-KDĐVXK
Number:

ORIGINAL

Tên, địa chỉ người xuất hàng:.....
Name and address of exporter:

.....

Tel:..... Fax:..... Email:.....

Nơi xuất phát của động vật:.....
Place of origin of the animal/s:

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu *Official mark*	Giống *Breed*	Tính biệt *Sex*	Tuổi *Age*

Tổng số:.....
Total:

II. XUẤT ĐI
DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng:..... Phương tiện vận chuyển:.....
Country of destination: *Means of transport:*

[80] Cụm từ "CỤC THÚ Y DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION" được thay thế bởi cụm từ "TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION" theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Tên, địa chỉ người nhận hàng:.....
Name and address of consignee:

.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:

I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:

a/ Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.

Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.

b/ Đáp ứng được các yêu cầu sau:

Satisfies/satisfy the following requirements:

.....

.....

Giấy có giá trị đến:...../...../.....	Giấy này làm tại..... ngày..../..../....
Valid up to	*Issued at* *on*
Bác sĩ thú y *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**
Veterinarian *(Signature, full name)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
	DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

Phụ lục VIIa

MÃ SỐ CỦA CHI CỤC CÓ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH THÚ Y CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Tên tỉnh, thành phố	Mã số	STT	Tên tỉnh, thành phố	Mã số
1	Hà Nội	**01**	33	Thừa Thiên - Huế	**33**
2	Tp. Hồ Chí Minh	**02**	34	Quảng Nam	**34**
3	Đà Nẵng	**03**	35	Quảng Ngãi	**35**
4	Hải Phòng	**04**	36	Kon Tum	**36**
5	Quảng Ninh	**05**	37	Gia Lai	**37**
6	Lạng Sơn	**06**	38	Bình Định	**38**
7	Cao Bằng	**07**	39	Phú Yên	**39**
8	Hà Giang	**08**	40	Đăk Lăk	**40**
9	Lào Cai	**09**	41	Lâm Đồng	**41**
10	Lai Châu	**10**	42	Khánh Hòa	**42**
11	Sơn La	**11**	43	Ninh Thuận	**43**
12	Yên Bái	**12**	44	Bình Thuận	**44**
13	Tuyên Quang	**13**	45	Đồng Nai	**45**
14	Bắc Kạn	**14**	46	Bình Dương	**46**
15	Thái Nguyên	**15**	47	Bình Phước	**47**
16	Bắc Giang	**16**	48	Tây Ninh	**48**
17	Bắc Ninh	**17**	49	Bà Rịa - Vũng Tàu	**49**
18	Hải Dương	**18**	50	Long An	**50**
19	Vĩnh Phúc	**19**	51	Tiền Giang	**51**
20	Phú Thọ	**20**	52	Đồng Tháp	**52**
21	Hòa Bình	**21**	53	An Giang	**53**
22	Hậu Giang	**22**	54	Kiên Giang	**54**

STT	Tên tỉnh, thành phố	Mã số	STT	Tên tỉnh, thành phố	Mã số
23	Hưng Yên	**23**	55	Cần Thơ	**55**
24	Thái Bình	**24**	56	Vĩnh Long	**56**
25	Nam Định	**25**	57	Bến Tre	**57**
26	Hà Nam	**26**	58	Trà Vinh	**58**
27	Ninh Bình	**27**	59	Sóc Trăng	**59**
28	Thanh Hóa	**28**	60	Bạc Liêu	**60**
29	Nghệ An	**29**	61	Cà Mau	**61**
30	Hà Tĩnh	**30**	62	Điện Biên	**62**
31	Quảng Bình	**31**	63	Đăk Nông	**63**
32	Quảng Trị	**32**			

Phụ lục VIIb

MÃ SỐ CỦA CÁC CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT CỬA KHẨU THUỘC CỤC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Tên cơ quan kiểm dịch động vật	Mã số
1	Chi cục Thú y vùng[81] II	**A**
2	Chi cục Thú y vùng[82]I	**B**
3	Chi cục Thú y vùng[83]III	**C**
4	Chi cục Thú y vùng[84]IV	**D**
5	Chi cục Thú y vùng[85]VI	**E**

[81] Cụm từ "Cơ quan Thú y vùng" được thay đổi bởi cụm từ "Chi cục Thú y vùng" theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

[82] Cụm từ "Cơ quan Thú y vùng" được thay đổi bởi cụm từ "Chi cục Thú y vùng" theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

[83] Cụm từ "Cơ quan Thú y vùng" được thay đổi bởi cụm từ "Chi cục Thú y vùng" theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

[84] Cụm từ "Cơ quan Thú y vùng" được thay đổi bởi cụm từ "Chi cục Thú y vùng" theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

[85] Cụm từ "Cơ quan Thú y vùng" được thay đổi bởi cụm từ "Chi cục Thú y vùng" theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

STT	Tên cơ quan kiểm dịch động vật	Mã số
6	Chi cục Thú y vùng[86]VII	**G**
7	Chi cục Thú y vùng[87]V	**H**
8	Chi cục Kiểm dịch động vật vùng Lạng Sơn	**I**
9	Chi cục Kiểm dịch động vật vùng Lào Cai	**K**
10	Chi cục Kiểm dịch động vật vùng Quảng Ninh	**L**

[86] Cụm từ "Cơ quan Thú y vùng" được thay đổi bởi cụm từ "Chi cục Thú y vùng" theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

[87] Cụm từ "Cơ quan Thú y vùng" được thay đổi bởi cụm từ "Chi cục Thú y vùng" theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

Phụ lục VIIc

NIÊM PHONG PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN, VẬT DỤNG CHỨA ĐỰNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Dây niêm phong: Dây niêm phong bảo đảm có độ dẻo, dai, có hình dáng tương tự như sau:

2. Ghi thông tin trên dây niêm phong:

a) Hàng trên:

- Mã số chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh, mã số cơ quan kiểm dịch động vật thuộc Cục Thú y

- Năm vận chuyển (ghi 2 chữ số cuối, ví dụ năm 2016 ghi là: 16)

b) Hàng dưới:

Số dây niêm phong, gồm 6 chữ số thứ tự từ 000001 đến 999999.

3. Trường hợp sử dụng phương pháp niêm phong khác, phải bảo đảm đầy đủ thông tin như trong mục 2 phụ lục VIIc ban hành kèm theo Thông tư này.

Phụ lục VIII
MẪU THẺ TAI, SĂM TAI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Mẫu thẻ tai sử dụng cho gia súc vận chuyển trong nước:

a) Mẫu thẻ tai:

Hình 1
Thẻ tai màu xanh dùng cho gia súc vận chuyển trong nước
(có kích thước: Chiều rộng là 4 cm và chiều cao là 5 cm)

Hình 2
Mẫu thẻ tai dùng cho gia súc do
Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y tỉnh Hòa Bình cấp

- **21** là mã số của tỉnh Hòa Bình;

- **03** là mã số của 1 huyện của tỉnh Hòa Bình (nơi xuất phát của gia súc hoặc nơi nuôi cách ly gia súc);

- **16** là số viết tắt của năm 2016 (năm cấp thẻ tai);

- **000009** là số hiệu của gia súc (được tính từ 000001 đến 999999).

b) Hình mẫu chữ số của dụng cụ để xăm trên da ở mặt ngoài, phía dưới tai của lợn:

Hình 1a

Hình 1b

c) Mẫu mã số xăm trên da ở mặt ngoài, phía dưới tai của lợn.

Hình 2a

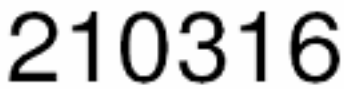

Hình 2b

Ví dụ Ghi chú mã số:

- **21** là mã số của tỉnh Hòa Bình;

- **03** là mã số của 1 huyện của tỉnh Hòa Bình (nơi lợn xuất phát hoặc nơi cách ly để kiểm dịch);

- **16** là số viết tắt của năm 2016 (năm thực hiện việc xăm mã số);

2. Mẫu thẻ tai sử dụng cho gia súc xuất khẩu, nhập khẩu:

a) Mẫu thẻ tai

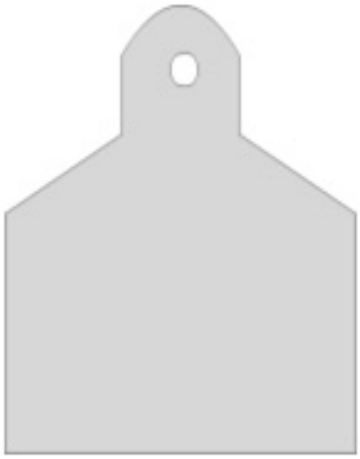

Hình 3

Thẻ tai màu vàng dùng cho gia súc xuất khẩu, nhập khẩu
(có kích thước: Chiều rộng là 4 cm và chiều cao là 5 cm)

b) Mẫu thẻ tai do cơ quan kiểm dịch động vật thuộc Cục Thú y thực hiện

Hình 4

Mẫu thẻ tai dùng cho gia súc do Chi cục Thú y vùng II cấp

- **A** là mã số của Chi cục Thú y vùng II;

- **18** là mã số của tỉnh Hải Dương (nơi cách ly gia súc để kiểm dịch xuất khẩu, nhập khẩu hoặc nơi xuất phát đối với gia súc xuất khẩu);

- **16** là số viết tắt của năm 2016 (năm cấp thẻ tai);

- **003689** là số hiệu của gia súc (được tính từ 000001 đến 999999).

c) Mẫu thẻ tai do Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y được ủy quyền thực hiện

Hình 5

Mẫu thẻ tai dùng cho gia súc do Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y An Giang cấp

- **53** là mã số của Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành thú y An Giang được Cục Thú y ủy quyền làm công tác kiểm dịch động vật xuất nhập khẩu;

- **55** là mã số của thành phố Cần Thơ (nơi cách ly gia súc để kiểm dịch xuất khẩu, nhập khẩu hoặc nơi xuất phát đối với gia súc xuất khẩu);

- **16** là số viết tắt của năm 2016 (năm cấp thẻ tai);

- **000456** là số hiệu của gia súc (được tính từ 000001 đến 999999).

3. Trường hợp gia súc nhập khẩu đã được đánh dấu (mã số nhận diện), khi vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh không phải đánh dấu lại.

Phụ lục IX

MẪU BẢNG KÊ MÃ SỐ ĐÁNH DẤU GIA SÚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN ĐƠN VỊ

Dấu của cơ quan KD ĐV cấp giấy CNKD

BẢNG KÊ MÃ SỐ ĐÁNH DẤU GIA SÚC

(Kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch động vật số..... cấp ngày... tháng..... năm 20....)

STT	Tên loài	Mã số, số hiệu của gia súc	Số lượng (con)	Ghi chú
		Tổng số		

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

Trường hợp đàn gia súc cùng loài, có cùng mã số tỉnh, huyện, năm cấp thẻ tai và có số hiệu theo thứ tự liên tục thì có thể ghi mã số, số hiệu từ số đầu đến số cuối.

Ví dụ:

STT	Tên loài	Mã số, số hiệu của gia súc	Số lượng (con)	Ghi chú
1	Trâu	21.03/16 000009	1	
2	Trâu	Từ 21.03/16 000121 đến 21.03/16 000136	16	
3	Bò	Từ 21.03/16 000137 đến 21.03/16 000142	6	

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Phụ lục X

BIỂU MẪU ĐỂ QUẢN LÝ CÁC CƠ SỞ ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH, HOẶC ĐÃ ĐƯỢC GIÁM SÁT DỊCH BỆNH HOẶC ĐÃ ĐƯỢC PHÒNG BỆNH BẰNG VẮC XIN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Đối với trâu, bò

STT	Tên cơ sở và địa chỉ	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
1		Lở mồm long móng (**)						
		Lao bò (*)						
		Sảy thai truyền nhiễm (*)						
		Xoắn khuẩn (*)						
		Tụ huyết trùng (*)						
		Tiên mao trùng (*)						
		Biên trùng (*)						
		Lê dạng trùng (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống (riêng đối với Bệnh lao chỉ thực hiện trên bò giống, bò sữa); Lê dạng trùng chỉ trên bò

(**): Áp dụng chung đối với động vật để làm giống và giết mổ

2. Bệnh đối với lợn

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
1		Lở mồm long móng (**)						
		Dịch tả lợn (*)						
		Sảy thai truyền nhiễm (*)						
		Xoắn khuẩn (*)						
		Tai xanh (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

(**): Áp dụng chung đối với động vật để làm giống và giết mổ.

3. Bệnh đối với dê, cừu

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
		Lở mồm long móng (*)						
		Sảy thai truyền nhiễm (*)						
		Xoắn khuẩn(*)						
		Đậu (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

4. Bệnh đối với ngựa

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
		Tiên mao trùng (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

5. Bệnh đối với gà, đà điểu, chim cút, bồ câu

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
		Cúm gia cầm độc lực cao (**)						
		Niu-cát-xơn (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

(**): Áp dụng chung đối với động vật để làm giống và giết mổ

6. Bệnh đối với vịt, ngan, ngỗng

STT	Tên cơ sở	Tên bệnh	Các bệnh đã được công nhận ATDB		Hoặc các bệnh đã được giám sát không có mầm bệnh		Hoặc các bệnh đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ	
			Ngày cấp giấy	Ngày hết hạn	Thời gian thực hiện giám sát	Kết quả giám sát	Thời gian phòng bệnh bằng vắc xin	Thời gian hết miễn dịch bảo hộ
		Cúm gia cầm độc lực cao (**)						
		Dịch tả vịt (*)						

(*): Áp dụng đối với động vật làm giống

(**): Áp dụng chung đối với động vật để làm giống và giết mổ

Ghi chú:

Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa lập danh sách các cơ sở chăn nuôi; cơ sở thu gom, kinh doanh động vật trên cạn theo Biểu mẫu này để làm cơ sở thực hiện việc kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên cạn ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

Phụ lục XI

CÁC BỆNH PHẢI XÉT NGHIỆM, CHỈ TIÊU KIỂM TRA VÀ SỐ LƯỢNG MẪU LẤY ĐỂ KIỂM TRA, XÉT NGHIỆM ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. Động vật:

1. Bảng 1: Các bệnh phải xét nghiệm đối với động vật

TT	Tên bệnh	Loại động vật	Mục đích
1	Lở mồm long móng	Trâu, bò, dê, cừu, lợn	Làm giống, giết mổ
2	Dịch tả lợn	Lợn	Làm giống
3	Cúm gia cầm thể độc lực cao	Gà, vịt, ngan, ngỗng, chim	Làm giống, giết mổ
4	Niu-cát-xơn	Gà	Làm giống
5[88]	Dịch tả lợn Châu Phi	Lợn	Làm giống, giết mổ

2. Quy định về việc giám sát định kỳ:

a) Đối với các cơ sở chăn nuôi chưa được công nhận an toàn dịch bệnh, chưa được giám sát dịch bệnh định kỳ theo quy định hoặc chưa được phòng bệnh bằng vắc xin hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ: Lấy mẫu giám sát định kỳ 6 tháng 1 lần; đối với cơ sở thu gom, kinh doanh động vật: Lấy mẫu giám sát định kỳ 3 tháng 1 lần.

Trường hợp, chủ cơ sở không thực hiện việc giám sát định kỳ thì cơ quan kiểm dịch động vật nội địa lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu theo từng lô hàng.

b) Số lượng mẫu lấy giám sát theo tỷ lệ lưu hành bệnh ước đoán là 10% theo hướng dẫn tại Bảng 2 của Phụ lục này.

c) Căn cứ vào kết quả giám sát định kỳ mầm bệnh và kiểm tra lâm sàng động vật trước khi vận chuyển động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, nếu động vật khỏe

[88] Thứ tự này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2022.

mạnh không mang mầm bệnh thì cơ quan kiểm dịch động vật nội địa cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển động vật hoặc sản phẩm của loại động vật đó ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

2. Bảng 2: Số lượng mẫu lấy để kiểm tra, xét nghiệm

Tổng đàn	**Tỷ lệ mắc bệnh dự đoán**						
	0,1%	0,5%	1%	2%	5%	***10%***	20%
50	50	50	48	48	35	***22***	12
100	100	100	96	78	45	***25***	13
200	200	190	155	105	51	***27***	14
500	500	349	225	129	56	***28***	14
1.000	950	450	258	138	57	***29***	14
5.000	2253	564	290	147	59	***29***	14
10.000	2588	581	294	148	59	***29***	14
> 10.000	2995	598	299	149	59	***29***	14

3.[89] Lấy mẫu xét nghiệm để kiểm dịch.

a) Đối với động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh quy định tại mục I của Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư này: Mẫu xét nghiệm là mẫu gộp từ 05 mẫu đơn thành 01 mẫu để xét nghiệm tác nhân gây bệnh;

b) Nguyên tắc gộp mẫu xét nghiệm: chỉ gộp mẫu đơn cùng loài động vật, cùng lô hàng, cùng một cơ sở chăn nuôi hoặc thu gom, kinh doanh động vật;

c) Trường hợp không thể gộp mẫu để xét nghiệm theo mẫu gộp, xét nghiệm các tác nhân gây bệnh theo mẫu đơn.

II. Sản phẩm động vật:

Sản phẩm động vật dùng làm thực phẩm: Thịt gia súc, gia cầm tươi sống.

Kiểm tra vi sinh vật gây ô nhiễm: Lấy mẫu, xét nghiệm định kỳ hàng tháng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

---

[89] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Phụ lục XII

CÁC BỆNH PHẢI XÉT NGHIỆM, CÁC CHỈ TIÊU KIỂM TRA ĐỐI VỚI ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU VÀ SỐ LƯỢNG MẪU LẤY ĐỂ KIỂM TRA, XÉT NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. Động vật:

1. Bảng 1: Các bệnh phải xét nghiệm đối với động vật nhập khẩu

TT	Tên bệnh	Loại động vật	Mục đích sử dụng
1	Lở mồm long móng	Trâu, bò, dê, cừu, lợn	Làm giống hoặc giết mổ
2	Xoắn khuẩn	Trâu, bò, dê, cừu, lợn	Làm giống hoặc giết mổ
3	Sẩy thai truyền nhiễm	Trâu, bò, dê, cừu, lợn	Làm giống hoặc giết mổ
4	Lao	Trâu, bò	Làm giống hoặc giết mổ
5	Lưỡi xanh	Trâu, bò, dê, cừu	Làm giống
6	Tiên mao trùng	Trâu, bò	Làm giống
7	Lê dạng trùng	Trâu, bò	Làm giống
8	Biên trùng	Trâu, bò	Làm giống
9[90]	Dịch tả loài nhai lại nhỏ	Dê, cừu	Làm giống hoặc làm cảnh hoặc giết mổ
10	Dịch tả lợn	Lợn	Làm giống
11	Bệnh tiêu chảy cấp ở lợn	Lợn	Làm giống
12	Suyễn lợn	Lợn	Làm giống

[90] Thứ tự này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2022.

TT	Tên bệnh	Loại động vật	Mục đích sử dụng
13	Hội chứng rối loạn sinh sản và hô hấp (PRRS)	Lợn	Làm giống
14[91]	Dịch tả lợn Châu Phi	Lợn	Làm giống hoặc làm cảnh hoặc giết mổ
15[92]	Cúm gia cầm thể độc lực cao	Gà, vịt, ngan, ngỗng, thiên nga, chim	Làm giống hoặc làm cảnh hoặc giết mổ
16	Bạch lỵ	Gà, vịt, ngan, ngỗng	Làm giống
17	Ho thở mạn tính (CRD)	Gà	Làm giống
18	Dịch tả vịt	Vịt, ngan, ngỗng	Làm giống
19	Viêm gan do virút	Vịt	Làm giống
20	Niu-cát-xơn	Gà	Làm giống hoặc giết mổ[93]
21[94]	Viêm da nổi cục	Trâu, bò	Làm giống hoặc làm cảnh hoặc giết mổ

[91] Thứ tự này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2022.

[92] Thứ tự này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2022.

[93] Cụm từ "Làm giống" được thay thế bởi cụm từ "Làm giống hoặc giết mổ" theo quy định tại khoản 16 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[94] Thứ tự này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2022.

**** Ghi chú:***[95]

- Căn cứ tình hình dịch bệnh của nước xuất khẩu, Cục Thú y hướng dẫn chỉ tiêu bệnh cần xét nghiệm để kiểm dịch.

- Trường hợp phát hiện bệnh mới chưa được quy định tại Bảng 1 mục I của Phụ lục này, Cục Thú y báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định chỉ tiêu kiểm dịch đối với bệnh mới.

- Mẫu được lấy ngẫu nhiên theo lô hàng; số lượng mẫu theo tỷ lệ lưu hành bệnh ước đoán là 5% (theo Bảng 2 của Phụ lục này).

- Căn cứ triệu chứng lâm sàng, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu xét nghiệm để kiểm tra tác nhân gây bệnh theo quy định tại Phụ lục III.

2. Bảng 2: Số lượng mẫu lấy để kiểm tra, xét nghiệm

Tổng đàn	**Tỷ lệ mắc bệnh dự đoán**						
	0,1%	0,5%	1%	2%	***5%***	10%	20%
50	50	50	48	48	***35***	22	12
100	100	100	96	78	***45***	25	13
200	200	190	155	105	***51***	27	14
500	500	349	225	129	***56***	28	14
1.000	950	450	258	138	***57***	29	14
5.000	2253	564	290	147	***59***	29	14
10.000	2588	581	294	148	***59***	29	14
> 10.000	2995	598	299	149	**59**	29	14

II. Sản phẩm động vật nhập khẩu:

1.[96] Sản phẩm động vật sử dụng làm thực phẩm:

---

[95] Nội dung này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2022.

[96] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

a) Đối với nhóm sản phẩm động vật có nguy cơ cao:

Lấy mẫu từng lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại điểm c khoản 1 phần II của Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu tại cửa khẩu, kiểm tra thực trạng hàng hóa, cấp Giấy chứng nhận vận chuyển (Mẫu 14b) để chủ hàng vận chuyển hàng về kho theo đề nghị của chủ hàng (kho phải đủ điều kiện vệ sinh thú y); chủ hàng phải chịu trách nhiệm vận chuyển, bảo quản hàng hóa trong khi chờ thực hiện kiểm dịch. Trường hợp hàng hóa là sản phẩm động vật không thể lấy mẫu tại cửa khẩu thì cơ quan kiểm dịch cửa khẩu thực hiện lấy mẫu kiểm dịch tại kho bảo quản.

Riêng đối với sản phẩm động vật đông lạnh phải được lưu giữ tại khu vực cửa khẩu đến khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.

b) Đối với nhóm sản phẩm động vật có nguy cơ thấp:

Lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại điểm c khoản 1 phần II của Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

Tần suất lấy mẫu như sau: Cứ 05 lô hàng lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm; nếu phát hiện 01 lần vi phạm thì lấy mẫu liên tiếp 03 lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm; nếu kết quả kiểm tra 03 lần liên tiếp đạt yêu cầu thì áp dụng tần suất 05 lô hàng sẽ lấy mẫu của 01 lô hàng ngẫu nhiên để kiểm tra, xét nghiệm.

Việc lấy mẫu kiểm dịch, kiểm tra thực trạng hàng hóa được thực hiện tại cửa khẩu hoặc kho hàng của chủ hàng đáp ứng được yêu cầu (nếu có đề nghị của chủ hàng); chủ hàng phải chịu trách nhiệm vận chuyển, bảo quản hàng hóa trong khi chờ thực hiện kiểm dịch.

Trường hợp lô hàng không phải lấy mẫu kiểm tra, trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu chỉ kiểm tra hồ sơ, nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu. Chủ hàng phải chịu trách nhiệm đối với hàng hóa nhập khẩu.

c)[97] Tác nhân gây bệnh:

Loại sản phẩm		Kiểm tra tác nhân gây bệnh
I. Nhóm nguy cơ cao	1. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai.	Lở mồm long móng, Sảy thai truyền nhiễm; *Salmonella spp.*, *E.coli (*chủng O157:H7)
	2. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của lợn.	Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu Phi; *Salmonella spp.*, *E.coli (*chủng O157:H7)
	3. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của gia cầm, chim.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn; *Salmonella spp.*, *E.coli (*chủng O157:H7)
	4. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt đông lạnh/ướp lạnh/sơ chế của các loài động vật khác không thuộc quy định tại điểm 1, 2 và 3 của nhóm nguy cơ cao.	Chỉ tiêu kiểm dịch theo thỏa thuận giữa Việt Nam và nước xuất khẩu
	5. Sữa tươi nguyên liệu.	Lở mồm long móng, Sảy thai truyền nhiễm
	6. Trứng gia cầm tươi.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn; *Salmonella* spp.
	7. Tổ yến chưa chế biến.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn.
II. Nhóm nguy cơ thấp	1. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của trâu, bò, dê, cừu.	Lở mồm long móng
	2. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của lợn.	Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu Phi

[97] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Loại sản phẩm		Kiểm tra tác nhân gây bệnh
	3. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của gia cầm, chim.	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn
	4. Thịt, phủ tạng, phụ phẩm và sản phẩm thịt chế biến của các loài động vật khác không thuộc quy định tại điểm 1, 2 và 3 của nhóm nguy cơ thấp.	Chỉ tiêu kiểm dịch theo thỏa thuận giữa Việt Nam và nước xuất khẩu
	5. Sữa và sản phẩm sữa chế biến.	*Salmonella* spp.
	6. Trứng và sản phẩm trứng chế biến.	*Salmonella* spp.

Ngoài các bệnh nêu trên, căn cứ diễn biến dịch bệnh, Cục Thú y quyết định chỉ tiêu dịch bệnh để xét nghiệm theo quy định, khuyến cáo của Tổ chức Thú y thế giới (OIE/WOAH).

Việc lấy mẫu theo tần suất được áp dụng trên tổng số lô hàng nhập khẩu tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 trong cùng 01 (một) năm; lấy mẫu, xét nghiệm tác nhân gây bệnh được áp dụng theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy định quốc tế.”.

d)[98] ***(được bãi bỏ)***

2.[99] Thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguồn gốc động vật nhập khẩu:

---

[98] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2022.

[99] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

a)[100] Tác nhân gây bệnh

a1) Đối với sản phẩm động vật trên cạn làm thức ăn chăn nuôi, thủy sản:

STT	Loại sản phẩm	Kiểm tra tác nhân gây bệnh
1	Sản phẩm có nguồn gốc từ loài nhai lại	Lở mồm long móng
2	Sản phẩm có nguồn gốc từ lợn	Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu Phi
3	Sản phẩm có nguồn gốc từ gia cầm	Cúm gia cầm thể độc lực cao, Niu-cát-xơn

a2) Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản làm thức ăn chăn nuôi, thủy sản:

STT	Loại sản phẩm	Kiểm tra tác nhân gây bệnh
1	Động vật, sản phẩm động vật thủy sản	Căn cứ tình hình dịch bệnh của nước xuất khẩu, Cục Thú y hướng dẫn chỉ tiêu bệnh cần xét nghiệm theo quy định tại mục A (động vật thủy sản), mục B (sản phẩm động vật thủy sản) Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

b)[101] Tần suất lấy mẫu

b1) Đối với thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung, thức ăn thủy sản thành phẩm: 05 lô hàng lấy mẫu 01 lô hàng để kiểm tra tác nhân gây bệnh quy định tại điểm a khoản này.

---

[100] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2022.

[101] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2022.

b2) Đối với nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản: lấy mẫu từng lô hàng kiểm tra tác nhân gây bệnh quy định tại điểm a khoản này.

b3) Đối với thức ăn, nguyên liệu quy định tại điểm b1 và b2 khoản này có nhiều thành phần từ sản phẩm của các loài động vật khác nhau, lấy mẫu kiểm tra không quá 02 chỉ tiêu tác nhân gây bệnh tương ứng theo quy định tại điểm a khoản này.

b4) Việc lấy mẫu, xét nghiệm tác nhân gây bệnh được áp dụng theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam, quy định quốc tế.

c)[102] Căn cứ tình hình bệnh Bò điên của nước xuất khẩu, theo các Nghị quyết của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH/OIE) về công nhận tình trạng dịch bệnh của nước xuất khẩu, Cục Thú y hướng dẫn việc kiểm tra, xét nghiệm chỉ tiêu ADN loài nhai lại đối với bột nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật để sản xuất thức ăn cho động vật;

d)[103] ***(được bãi bỏ);***

đ) Đối với sản phẩm động vật không phải kiểm tra ADN loài nhai lại, trường hợp chủ hàng có đề nghị đưa hàng về kho bảo quản (kho bảo quản của chủ hàng phải bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y), cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu tại cửa khẩu, kiểm tra thực trạng hàng hóa, cấp Giấy chứng nhận vận chuyển (Mẫu 14b) để chủ hàng vận chuyển hàng về kho hoặc việc lấy mẫu có thể thực

---

[102] Cụm từ "Kiểm tra ADN loài nhai lại đối với nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản/thức ăn thành phẩm có chứa sản phẩm động vật từ các nước có nguy cơ bệnh Bò điên hoặc khi có yêu cầu giám định;" được thay thế bởi cụm từ "Căn cứ tình hình bệnh Bò điên của nước xuất khẩu, theo các Nghị quyết của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH/OIE) về công nhận tình trạng dịch bệnh của nước xuất khẩu, Cục Thú y hướng dẫn việc kiểm tra, xét nghiệm chỉ tiêu ADN loài nhai lại đối với bột nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật để sản xuất thức ăn cho động vật" theo quy định tại khoản 18 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

[103] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 2 của Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2022.

hiện tại kho bảo quản; chủ hàng phải chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa và không được đưa hàng vào tiêu thụ khi lô hàng chưa có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu;

e) Đối với nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản/thức ăn thành phẩm có chứa sản phẩm động vật phải kiểm tra ADN loài nhai lại phải được lưu giữ tại khu vực cửa khẩu đến khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.

III.[104] *(được bãi bỏ)*

IV.[105] Nội dung kiểm dịch đối với sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu làm nguyên liệu gia công, chế biến hàng xuất khẩu như sau:

1. Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, nội dung Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan thú y có thẩm quyền nước xuất khẩu cấp cho lô hàng.

2. Kiểm tra thực trạng hàng hóa.

3. Lấy mẫu để kiểm tra các chỉ tiêu tác nhân gây bệnh như sau:

a) Đối với thịt gà, thịt vịt, thịt ngan, thịt ngỗng và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gà, vịt, ngan, ngỗng: Lấy mẫu kiểm tra tác nhân gây bệnh Cúm gia cầm thể độc lực cao (các chủng H5-, H7-);

b) Đối với thịt lợn và sản phẩm ăn được sau giết mổ của lợn: Lấy mẫu kiểm tra tác nhân gây bệnh: Xoắn khuẩn, Giun xoắn, Dịch tả lợn châu Phi (đối với các quốc gia, vùng lãnh thổ có dịch bệnh);

c) Đối với thịt trâu, bò, dê, cừu và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của trâu, bò, dê, cừu: Lấy mẫu kiểm tra tác nhân gây bệnh Xoắn khuẩn.

4. Tần suất và số mẫu lấy kiểm tra: Cứ 06 lô hàng thì lấy 03 mẫu của 01 lô hàng để kiểm tra.

---

[104] Mục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 2 của Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2022.

[105] Mục này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 và Thông tư số 20/2017/TT-BNNPTNT ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2019.

5. Trường hợp các lô hàng thuộc diện chỉ kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, nội dung Giấy chứng nhận kiểm dịch, thực trạng hàng hóa: Nếu kiểm tra thực trạng hàng hóa phát hiện không đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y thì lấy mẫu để kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y.

6. Xử lý kết quả kiểm tra: Được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Căn cứ tình hình dịch bệnh động vật của nước xuất khẩu, các yếu tố nguy cơ cần kiểm soát theo quy định, Cục Thú y sẽ hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu kiểm tra.

V.[106] LẤY MẪU XÉT NGHIỆM ĐỂ KIỂM DỊCH

1. Đối với động vật nhập khẩu theo quy định tại Bảng 1 mục I của Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này: gộp 05 mẫu đơn thành 01 mẫu để xét nghiệm tác nhân gây bệnh.

2. Đối với sản phẩm động vật nhập khẩu theo quy định tại mục II của Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này:

a) Lô hàng có 01 đến 02 mặt hàng: lấy mẫu tất cả các mặt hàng; mỗi mặt hàng lấy 05 mẫu đơn và gộp thành 01 mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh;

b) Lô hàng có từ 03 mặt hàng trở lên: lấy mẫu 03 mặt hàng có số lượng/khối lượng lớn nhất; mỗi mặt hàng lấy 05 mẫu đơn và gộp thành 01 mẫu xét nghiệm tác nhân gây bệnh.

3. Nguyên tắc gộp mẫu xét nghiệm:chỉ gộp mẫu đơn cùng chủng loại, cùng loài động vật, cùng lô hàng, cùng quốc gia, vùng lãnh thổ.

4. Trường hợp không thể gộp mẫu để xét nghiệm theo mẫu gộp, xét nghiệm các tác nhân gây bệnh theo mẫu đơn.

5. Khi phát hiện lô hàng sản phẩm động vật nhập khẩu không đạt yêu cầu về cảm quan, lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu lý hóa, vi sinh vật gây hại, tác nhân gây bệnh theo các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn tương ứng của Việt Nam, quy định quốc tế.

---

[106] Mục này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2022.

Phụ lục XIII
KIỂM SOÁT TRONG HOẠT ĐỘNG BẢO QUẢN, VẬN CHUYỂN, MUA BÁN, TIÊU THỤ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT SAU NHẬP KHẨU ĐỂ LÀM THỰC PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Yêu cầu vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm trong bảo quản, chia nhỏ, đóng gói lại sản phẩm động vật sau nhập khẩu để làm thực phẩm:

Thực hiện theo Chương IV Luật Thú y và Luật an toàn thực phẩm.

2. Kiểm soát vận chuyển, mua bán sản phẩm động vật nhập khẩu

a) Đối với lô hàng nhập khẩu sau khi đã được cấp giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu của cơ quan kiểm dịch động vật nhập khẩu, sau đó chia nhỏ, đóng gói lại để vận chuyển sang tỉnh khác, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Thú y;

b) Trường hợp khi chia nhỏ, đóng gói lại phát hiện sản phẩm động vật nhập khẩu không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y hoặc phát hiện tình trạng bảo quản sản phẩm động vật không đạt yêu cầu, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm; nếu xét nghiệm đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển; nếu không đạt yêu cầu thì xử lý theo quy định hoặc chuyển mục đích sử dụng khác (làm thức ăn chăn nuôi, làm thức ăn cho cá sấu), Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thông báo cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến để tiếp tục theo dõi, giám sát.

PHỤ LỤC XIV
QUY TRÌNH KIỂM TRA, LẤY MẪU KIỂM DỊCH LÔ HÀNG SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN[107]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. PHẦN CHUNG

1. Giải thích từ ngữ

- **Đơn vị bao gói:** Là dạng bao gói độc lập dưới dạng bao, kiện, thùng, hộp, chai, lọ,... lặp lại trong một lô hàng.

- **Mẫu:** Là một phần đại diện cho một lô hàng.

- **Lấy mẫu:** Là các thao tác kỹ thuật được tiến hành trên cơ sở áp dụng những nguyên tắc, thủ tục, điều kiện kỹ thuật theo quy định để thu thập mẫu đại diện cho lô hàng, thể hiện thực trạng của lô hàng.

- **Mẫu đơn (mẫu ban đầu):** Là một lượng sản phẩm hoặc đơn vị bao gói được lấy riêng lẻ một cách ngẫu nhiên hoặc có chủ đích, cùng thời điểm tại một vị trí của lô hàng

- **Mẫu gộp (mẫu chung):** Bao gồm những mẫu đơn từ cùng một lô hàng được trộn đều với nhau, từ đó có thể thu được đặc tính đại diện cho lô hàng.

- **Mẫu phân tích (mẫu xét nghiệm):** Là một phần của mẫu gộp dùng để đánh giá chất lượng của một lô hàng xác định.

- **Mẫu lưu:** Là mẫu lấy ra từ mẫu gộp, trường hợp không gộp được thì lưu mẫu đơn.

- **Mẫu trung bình:** Là một phần sản phẩm của mẫu chung hoặc một số đơn vị bao gói lấy ra từ mẫu chung.

2. Nguyên tắc chung

- Trước khi lấy mẫu phải kiểm tra hồ sơ liên quan đến lô hàng; thực trạng hàng hóa, nếu đạt yêu cầu thì tiến hành lấy mẫu.

---

[107] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 2 của Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2024.

- Để mẫu phản ánh đúng tình trạng chung của lô hàng, cần đảm bảo tính đồng nhất của lô hàng.

- Việc lấy mẫu phải bảo đảm khoa học, nhanh chóng, thuận tiện; trình tự thực hiện công khai, minh bạch; bảo đảm tính ngẫu nhiên tại các vị trí khác nhau đại diện cho lô hàng.

- Trường hợp không thể lấy mẫu tại cửa khẩu thì đưa sản phẩm động vật về cơ quan kiểm dịch động vật hoặc kho của doanh nghiệp để lấy mẫu.

II. QUY TRÌNH THỰC HIỆN

1. Chuẩn bị

- Trước khi tiến hành lấy mẫu phải thống nhất thời điểm tiến hành kiểm tra, lấy mẫu với chủ hàng hoặc người đại diện.

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, biểu mẫu liên quan, dụng cụ, trang thiết bị lấy mẫu và bảo quản mẫu phù hợp.

2. Kiểm tra thực tế

2.1. Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển, dụng cụ chứa đựng hàng hóa, niêm phong.

2.2. Kiểm tra thực trạng lô hàng: điều kiện bảo quản, quy cách bao gói, ngoại quan của sản phẩm, chủng loại, nhãn sản phẩm, thông tin chi tiết của lô hàng phải phù hợp với hồ sơ.

Mỗi mặt hàng tiến hành kiểm tra tối thiểu tại 5 vị trí hoặc đơn vị bao gói ngẫu nhiên ở các điểm khác nhau của lô hàng. Trường hợp lô hàng có nhiều mặt hàng thì tiến hành kiểm tra và lấy mẫu tối đa 03 mặt hàng có số lượng/khối lượng lớn nhất.

Đối với lô hàng có nhiều container, toa xe: người lấy mẫu chỉ định ngẫu nhiên và tiến hành kiểm tra từ 02 đến 04 container, toa xe (không áp dụng đối với các lô hàng phải kiểm tra ADN). Trường hợp nghi ngờ có thể tiến hành kiểm tra toàn bộ lô hàng.

Xử lý kết quả: kiểm tra thực trạng hàng hóa, nếu đạt yêu cầu thì lấy mẫu kiểm tra đối tượng kiểm dịch, trường hợp không đạt yêu cầu thì xử lý theo quy định.

3. Lấy mẫu

3.1. Số lượng, khối lượng mẫu

3.1.1. Số lượng mẫu để kiểm tra mầm bệnh theo quy định tại Phần IV và Phần V Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư này.

3.1.2. Số lượng mẫu để kiểm tra ADN, việc lấy mẫu như sau:

- Từ 01 đến 05 container: lấy 01 mẫu

- Từ 06 đến 10 container: lấy 02 mẫu

- Từ container thứ 10, nếu số lượng container tăng thêm từ 01 đến 05 container thì kiểm tra thêm 01 mẫu

Trường hợp lô hàng chứa đựng trong hầm, toa tàu: nếu số lượng ≤ 200 tấn lấy 01 mẫu; từ 200 đến 500 tấn lấy 02 mẫu; trên 500 tấn lấy 03 mẫu.

3.1.3. Khối lượng mẫu phân tích, mẫu lưu: tối thiểu phải đảm bảo đủ để phân tích các chỉ tiêu theo quy định và theo phương pháp phân tích của phòng thử nghiệm. Trường hợp phải gửi mẫu cho nhiều phòng thử nghiệm thì khối lượng được lấy thêm tương ứng. Khối lượng mẫu trung bình hoặc mẫu ban đầu (trường hợp mẫu ban đầu tương đương là mẫu trung bình) từ 500 - 1000g (không bao gồm xương).

3.2. Lấy mẫu phân tích

3.2.1. Lấy mẫu ban đầu

a) Với lô hàng bao gói

- Lô hàng được đóng trong các bao gói thùng, kiện, hộp, túi,...: mẫu ban đầu được lấy tại ít nhất 01 đơn vị bao gói nhưng không quá ở 05 đơn vị bao gói bằng cách chọn ngẫu nhiên các sản phẩm từ các bao gói được chọn trừ trường hợp đơn vị bao gói nhỏ thì phải lấy thêm để bảo đảm đủ khối lượng xét nghiệm theo phương pháp.

- Sản phẩm dạng lỏng, sệt: mẫu đơn được lấy tại ít nhất 03 vị trí ở các độ sâu khác nhau trong đơn vị bao gói.

b) Với lô hàng rời (chứa trong các toa xe, container, hầm tàu,...): lấy mẫu ban đầu ở ít nhất 03 vị trí khác nhau của lô hàng.

3.2.2. Lập mẫu chung

Gộp tất cả các mẫu ban đầu đã lấy được để lập mẫu chung, đại diện cho lô hàng.

3.2.3. Lập mẫu trung bình

a) Sản phẩm dạng lỏng, sệt: trộn kỹ mẫu chung và rút ra một lượng để lập mẫu trung bình;

b) Sản phẩm dạng sợi, mảnh, viên nhỏ có thể phân mẫu theo nguyên tắc ngẫu nhiên;

c) Các sản phẩm lớn có thể rút theo nguyên tắc ngẫu nhiên (cắt nhỏ nếu cần thiết);

d) Sản phẩm dạng bao gói sẵn: có thể trộn đều các bao gói, sau đó rút ngẫu nhiên các sản phẩm;

đ) Khối lượng mẫu trung bình đảm bảo đủ để phân tích các chỉ tiêu và lưu mẫu.

3.2.4. Lập mẫu phân tích

Từ mẫu trung bình chia thành 2 phần tương ứng, 1 phần là mẫu phân tích, một phần là mẫu lưu có số lượng/khối lượng mẫu như nhau. Khối lượng mẫu được lấy đảm bảo đủ để xét nghiệm các chỉ tiêu và lưu mẫu theo phương pháp xét nghiệm tương ứng. Trường hợp cần gửi nhiều phòng thử nghiệm có thể chia phần mẫu phân tích nhiều hơn. Nếu phương pháp xét nghiệm cần khối lượng mẫu nhỏ, sau khi lập mẫu xét nghiệm bảo đảm đại diện cho lô hàng thì phần mẫu thừa trả lại chủ hàng.

3.2.5. Ghi nhãn, bao gói, niêm phong, bảo quản, vận chuyển mẫu

a) Mẫu phải được bao gói, niêm phong, ghi nhãn bảo đảm tính bảo mật và không bị nhầm lẫn;

b) Bảo quản mẫu: mẫu được bảo quản theo điều kiện phù hợp với từng dạng sản phẩm như nguyên trạng ban đầu.

3.2.6. Biên bản lấy mẫu

Biên bản lấy mẫu được lập theo mẫu 06 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, được lập ngay sau khi lấy mẫu dưới sự chứng kiến và ký xác nhận của chủ hàng và các bên liên quan.

Các thông tin trong Biên bản lấy mẫu phải được ghi đầy đủ, chính xác, phản ánh trung thực tình trạng lô hàng như bao gói, bảo quản, ngày sản xuất, hạn sử dụng, ký hiệu phương tiện vận chuyển, chứa đựng, số niêm phong.

3.2.7. Vận chuyển, gửi mẫu

a) Mẫu phải được vận chuyển đến phòng thử nghiệm càng nhanh càng tốt bằng phương tiện vận chuyển bảo đảm không ảnh hưởng đến chất lượng mẫu;

b) Mẫu gửi phòng thử nghiệm phải được mã hóa. Dụng cụ chứa đựng mẫu gửi đến phòng thử nghiệm phải được làm kín và bảo vệ khỏi tác động của ánh sáng, nhiệt độ ảnh hưởng đến chất lượng mẫu.

3.2.8. Lưu mẫu, hủy mẫu

Mẫu lưu được bảo quản ở điều kiện thích hợp với từng loại sản phẩm trong thời gian 30 ngày. Khối lượng mẫu lưu phù hợp với phương pháp thử nghiệm.

Hết thời gian lưu, mẫu lưu phải được hủy theo quy định của pháp luật.

3.2.9. Trả sản phẩm động vật thừa sau khi lấy mẫu

Việc trả mẫu thừa (không phải phần mẫu sử dụng để xét nghiệm) được thực hiện sau khi có kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu (Mẫu biên bản trả lại mẫu thừa ban hành kèm theo Phụ lục XIV này).

- Trường hợp không thể lấy mẫu tại hiện trường mà phải đưa các đơn vị mẫu đơn về nơi đủ điều kiện đảm bảo chất lượng hàng hóa để lấy mẫu thì sau khi lấy mẫu, lập biên bản trả lại mẫu thừa cho chủ hàng.

- Trường hợp phương pháp xét nghiệm cần khối lượng mẫu nhỏ, sau khi lập mẫu xét nghiệm bảo đảm đại diện cho lô hàng thì phần mẫu thừa trả lại chủ hàng.

Mẫu biên bản trả lại mẫu thừa

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TRẢ LẠI MẪU THỪA
Số:...../BB-TLMT

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm 20...

Tại địa điểm:.....

Chúng tôi gồm có:

1/ Ông/bà:..... Chức vụ:.....

Đại diện cơ quan kiểm dịch động vật:.....

2/ Ông bà:..... là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*

Địa chỉ giao dịch:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Chúng tôi cùng thống nhất và giao nhận lại số mẫu thừa sau khi đã lấy mẫu của lô hàng để kiểm tra, xét nghiệm như sau:

STT	Tên mẫu	ĐVT	Khối lượng mẫu trả lại	Ghi chú
Tổng số				

Biên bản này được lập thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ./.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*	**Người trả mẫu**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng